

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN EAKAR  
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 30/2024/HS-ST

Ngày 25-6-2024

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAKAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Cường Anh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Khắc Dũng, ông Y Nik Êban .

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hải Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar tham gia phiên tòa:**  
Ông Cao Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 25/6/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.  
Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai trực tiếp vụ án hình sự thụ lý số: 28/2024/TLST-HS ngày 27 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2024/QĐXXST-HS ngày 10/6/2024, đối với bị cáo:

**Bùi Đức M**, sinh năm 1998 tại tỉnh Đắk Lắk. Nơi cư trú: Thôn B, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Thợ sửa xe; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn L, sinh năm 1963 và bà Trần Thị Y, sinh năm 1978; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo có vợ Hà Thị H, sinh năm 1999 và 02 con, con lớn nhất sinh năm 2019, con nhỏ nhất sinh năm 2021.

Nhân thân: Chưa bị kết án và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

(*Bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 06/12/2006. Địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của anh T: Ông Nguyễn Công B, sinh năm 1974. Địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (là bố đẻ của anh T). (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Anh Lê Doãn H, sinh ngày 04/7/2006. Địa chỉ: Thôn 7, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của anh H: Ông Lê Doãn T, sinh năm 1973. Địa chỉ: Thôn 7, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (là bố đẻ của anh H). (Vắng mặt).

+ Anh Lương Minh Kh, sinh ngày 14/3/2008. Địa chỉ: Thôn 5, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của anh Kh: Ông Lương Minh T, sinh năm 1980. Địa chỉ: Thôn 5, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (là bố đẻ của anh Kh). (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Anh Trần Xuân H, sinh ngày 02/02/2005. Địa chỉ: Thôn 5, xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Bà Hà Thị H, sinh năm 1999. Địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Bà Lò Thị D, sinh năm 1999. Địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 08 năm 2023, trong quá trình làm nghề sửa xe máy tại xã Ea Ô, huyện Ea Kar, Bùi Đức M thấy có một số học sinh đang học và một số học sinh đã bỏ học có nhu cầu vay tiền nên M đã nảy sinh ý định cho vay tiền với lãi suất cao để thu lợi. Hình thức vay tiền là trả lãi theo ngày, mức lãi suất phải trả do M đưa ra, người vay đồng ý thì M mới cho vay. M sử dụng 01 điện thoại Iphone 11 Pro màu xám, có gắn sim số 0971320236 để gọi điện liên lạc với người vay tiền, và sử dụng ứng dụng Messenger để nhắn tin trao đổi với người vay. M sử dụng số tiền gốc ban đầu là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) để cho vay. Sau khi thu được tiền gốc và lãi thì M tiếp tục sử dụng tiền này cho những người khác vay tiếp để thu lợi. Từ tháng 8 năm 2023 đến tháng 02 năm 2024 đã cho vay tiền lãi nặng với lãi suất từ 413,6%/năm đến 9.954,5%/năm. Ngày 20/02/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ea Kar ra Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Bùi Đức M và thu giữ đồ vật, tài liệu liên quan đến việc cho vay lãi nặng đối với 04 người cụ thể như sau:

**(1) Nguyễn Ngọc T, sinh năm: 2006, trú tại: TDP 3B, thị trấn Ea Kar, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk. Vay 10 lần:**

- Lần 1: Vào ngày 25/01/2024, T vay M số tiền 3.600.000đ, trong ngày T đã trả M 4.000.000đ. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước trong 01 ngày là 1.972đ, như vậy M đã thu lợi bất chính số tiền 400.000đ - 1.972đ = 398.028đ, tương đương với lãi suất 4.055,5%/năm (Lần vay này M chuyển tiền vào tài khoản của T số 1036093477 tại Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam VietCom Bank)

- Lần 2: Vào ngày 26/01/2024, T vay M số tiền 3.600.000đ, trong ngày T đã trả 4.000.000đ. M đã thu lợi bất chính số tiền  $400.000đ - 1.972đ = 398.028đ$ , tương đương với lãi suất 4.055,5%/năm (Lần vay này M chuyển tiền vào tài khoản của T, số 1036093477 tại Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam VietCom Bank).

- Lần 3: Vào ngày 26/01/2024 T vay M số tiền 7.000.000đ, đến ngày 27/01/2024 T đã trả 7.800.000đ. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước trong 02 ngày là 7.671đ, M đã thu lợi bất chính số tiền  $800.000đ - 7.671đ = 792.329đ$ , tương đương với lãi suất 2.085,7%/năm.

- Lần 4: Vào ngày 02/02/2024, T vay M số tiền 10.000.000đ, trong ngày T đã trả 11.750.000đ. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước trong 01 ngày là 5.479đ, M đã thu lợi bất chính số tiền  $1.750.000đ - 5.479đ = 1.744.521đ$ , tương đương với lãi suất 6.387,5%/năm (Lần vay này M chuyển tiền vào tài khoản của T, số 6320784346 tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam, BIDV).

- Lần 5: Vào ngày 04/02/2024, T vay M số tiền 10.000.000đ đến ngày 05/02/2024 T trả 12.000.000đ. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước trong 02 ngày là 10.958đ, M đã thu lợi bất chính số tiền  $2.000.000đ - 10.958đ = 1.989.042đ$ , tương đương với lãi suất 3.650%/năm (Lần vay này M chuyển tiền vào tài khoản của T, số 6320784346 tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam, BIDV).

- Lần 6: Vào ngày 05/02/2024 T vay M số tiền 22.000.000đ, trong ngày T đã trả 25.000.000đ. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước trong 01 ngày là 12.054đ, M đã thu lợi bất chính số tiền  $3.000.000đ - 12.054đ = 2.987.946đ$ , tương đương với lãi suất 4.977,2%/năm.

- Lần 7: Vào ngày 05/02/2024 và ngày 06/02/2024, T vay M tổng số tiền 49.500.000đ, trong ngày 06/02/2023 T đã trả 63.500.000đ. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước trong 02 ngày là 54.246đ, M đã thu lợi bất chính số tiền  $14.000.000đ - 54.246đ = 13.945.754đ$ , tương đương với lãi suất 5.161,6%/năm (Lần vay này T chuyển trả cho M số tiền 63.500.000đ qua tài khoản số 6311402787 của Lò Thị D tại Ngân hàng Đầu tư phát triển Việt Nam BIDV).

- Lần 8: Vào ngày 08/02/2024, T vay M số tiền 64.500.000đ, trong ngày 08/02/2023 T đã trả 78.000.000đ. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước trong 01 ngày là 35.342đ, M đã thu lợi bất chính số tiền  $13.500.000đ - 35.342đ = 13.464.658đ$ , tương đương với lãi suất 7.639,5%/năm.

- Lần 9: Vào ngày 09/02/2024, T vay M số tiền 44.000.000đ, trong ngày 09/02/2023 T đã trả 56.000.000đ. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước trong 01 ngày là 24.109đ, M đã thu lợi bất chính số tiền  $12.000.000đ - 24.109đ = 11.975.891đ$ , tương đương với lãi suất 9.954,5%/năm.

- Lần 10: Vào ngày 09/02/2024, T vay M số tiền 64.000.000đ với lãi suất 2.000.000đ/10.000.000đ/1 tháng. Khoản vay này T chưa trả cho M nên M chưa thu gốc và lãi (Lần vay này M nhờ vợ là Hà Thị H chuyển vào tài khoản của T số 6320784346 tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam BIDV).

Như vậy từ ngày 25/01/2024 đến ngày 09/02/2024 M đã cho T vay 10 lần với tổng số tiền gốc là: 278.200.000đ, số tiền gốc đã thu là 214.200.000đ, số tiền gốc T còn nợ là 64.000.000đ, tổng số tiền lãi đã thu là: 47.850.000đ, trong đó số tiền lãi theo quy định của nhà nước là 153.803đ, số tiền lãi M đã thu lợi bất chính là 47.850.000đ - 153.803đ = 47.696.197đ (Bốn mươi bảy triệu sáu trăm chín sáu ngàn một trăm chín bảy đồng);

**(2) Trần Xuân H, sinh năm: 2005, trú tại: Thôn 5, xã Vụ Bản, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk. Vay 04 lần:**

- Lần 1: Vào ngày 14/8/2023, H vay M số tiền 12.000.000đ. M cắt lãi trước 500.000đ. Trong ngày H đã trả đủ cho M 12.000.000đ tiền gốc. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước trong 01 ngày là 6.575đ, M đã thu lợi bất chính số tiền 500.000đ - 6.575đ = 493.425đ, tương đương với lãi suất 1.520,8%/năm (Lần vay này M nhắn tin cho H nội dung: Cắt 12 tr 500. Lấy 11500 ).

- Lần 2: Vào ngày 06/9/2023, H vay M số tiền 12.000.000đ. M cắt lãi trước 700.000đ. Trong ngày H đã trả đủ cho M 12.000.000đ tiền gốc, M đã thu lợi bất chính số tiền 700.000đ - 6.575đ = 693.425đ, tương đương với lãi suất 2.129,1%/năm (Lần vay này H nhắn tin trao đổi việc vay tiền của M).

- Lần 3: Vào ngày 26/01/2024, H vay M số tiền 15.000.000đ. Trong ngày H đã trả đủ cho M 15.000.000đ tiền gốc và 1.300.000đ tiền lãi, M đã thu lợi bất chính số tiền 1.300.000đ - 8.219đ = 1.291.781đ, tương đương với lãi suất 3.163,3%/năm (Lần vay này H và M đưa nhận tiền trực tiếp). BL: 76 -77.

- Lần 4: Vào ngày 11/02/2024, H vay M số tiền 15.000.000đ, Trong ngày H đã trả đủ cho M 15.000.000đ tiền gốc và 200.000đ tiền lãi, M đã thu lợi bất chính số tiền 1.300.000đ - 8.219đ = 191.781đ, tương đương với lãi suất 486,6%/năm (Lần vay này H và M đưa nhận tiền trực tiếp).

Tổng từ ngày 14/8/2024 đến ngày 11/02/2024 M đã cho H vay 04 lần với tổng số tiền gốc là: 54.000.000đ, đã thu hết số tiền gốc là 54.000.000đ, tổng số tiền lãi đã thu là: 2.700.000đ, trong đó số tiền lãi theo quy định của nhà nước là 29.588đ, số tiền lãi M đã thu lợi bất chính là 2.700.000đ - 29.588đ = 2.670.412đ (Hai triệu sáu trăm bảy mươi ngàn bốn trăm mười hai đồng);

**(3) Lê Doãn H, sinh năm: 2006, trú tại: Thôn 7, xã Ea Kly, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk. Vay 01 lần:**

Vào ngày tháng 09/01/2024, H vay M số tiền 2.000.000đ, trong 15 ngày H đã trả đủ cho 2.000.000đ và 340.000đ tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà

nước trong 15 ngày là 16.438đ, M đã thu lợi bất chính số tiền 340.000đ - 16.438đ = 323.562đ, tương đương với lãi suất 413,6%/năm (Lần vay này M chuyển tiền vào tài khoản số 0905112576 của Trương Công M tại Ngân hàng Quân Đội MB, bạn của H ).

**(4) Lương Minh Kh, sinh năm: 2008, trú tại: Thôn 5, xã Ea Ô, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk. Vay 04 lần:**

- Lần 1: Vào ngày 23/12/2023, Kh vay M số tiền 1.000.000đ. Trong 10 ngày Kh đã trả đủ cho M 1.000.000đ tiền gốc và 150.000đ tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước trong 10 ngày là 5.479đ, M đã thu lợi bất chính số tiền 150.000đ - 5.479đ = 144.521đ, tương đương với lãi suất 547,5%/năm.

- Lần 2: Vào ngày 01/01/2024, Kh vay M số tiền 2.000.000đ. Trong 15 ngày Kh đã trả đủ cho M 2.000.000đ tiền gốc và 350.000đ tiền lãi, M đã thu lợi bất chính số tiền 350.000đ - 16.438đ = 333.562đ, tương đương với lãi suất 425,8%/năm.

- Lần 3: Vào ngày 04/02/2024, Kh vay M số tiền 3.000.000đ. Trong 10 ngày Kh đã trả đủ cho M 3.000.000đ tiền gốc và 460.000đ tiền lãi, M đã thu lợi bất chính số tiền 460.000đ - 16.438đ = 443.562đ, tương đương với lãi suất 559,6%/năm.

- Lần 4: Vào ngày 13/02/2024, Kh vay M số tiền 3.000.000đ. vào ngày 15/02/2024 Kh đã trả đủ cho M 3.000.000đ tiền gốc và 460.000đ tiền lãi, M đã thu lợi bất chính số tiền 460.000đ - 4.931đ = 455.069đ, tương đương với lãi suất 1.865%/năm (Lần vay này M chuyển tiền vào tài khoản số 62914032008888 của Kh tại Ngân hàng Quân Đội MB).

Như vậy, từ ngày 23/12/2023 đến ngày 13/02/2024 M đã cho Kh vay 04 lần với tổng số tiền gốc là: 9.000.000đ, đã thu hết số tiền gốc là 9.000.000đ, tổng số tiền lãi đã thu là: 1.420.000, trong đó số tiền lãi theo quy định của nhà nước là 43.286đ, số tiền lãi M đã thu lợi bất chính là 1.420.000 - 43.286đ = 1.376.714đ (Một triệu ba trăm bảy sáu ngàn bảy trăm mười bốn đồng).

Tổng số tiền gốc M cho 04 người vay từ tháng 8 năm 2023 đến tháng 02 năm 2024 là 343.200.000 đồng, số tiền gốc người vay còn nợ là 64.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã thu được là 52.310.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định Bộ luật dân sự là 243.115 đồng, tổng số tiền thu lợi bất chính là 52.066.885 đồng.

\* Vật chứng tạm thu giữ gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro màu xám, IMEI 1: 353244102821391, IMEI 2: 353244102703888, bên trong có gắn sim số 0971320236, seri sim: 8984048000911716152

Tại bản Cáo trạng số 33/CT-VKS ngày 27/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar truy tố bị cáo Bùi Đức M về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Kết quả xét hỏi tại phiên toà, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố. Bị cáo M xác định: Từ tháng 8 năm 2023 đến tháng 02 năm 2024, bị cáo đã cho 04 người vay gồm: Nguyễn Ngọc T, Trần Xuân H, Lê Doãn H và Lương Minh Kh với lãi suất từ 413,6% đến 9.954,5%/năm. Tổng số tiền gốc cho vay là 343.200.000đ (Ba trăm bốn mươi ba triệu hai trăm nghìn đồng), số tiền gốc đã thu được là 279.200.000đ (Hai trăm bảy mươi chín triệu hai trăm nghìn đồng), số tiền gốc người vay còn nợ là 64.000.000đ (Sáu tư triệu đồng). Tổng số tiền lãi thu lợi bất chính là 52.066.885đ (Năm mươi hai triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn tám trăm tám lăm đồng). Quá trình giao dịch vay và thu tiền gốc, lãi bị cáo sử dụng 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro màu xám, sim số 0971320236 để liên lạc với người vay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk thực hành quyền công tố tại phiên toà giữ nguyên quyết định truy tố bị Bùi Đức M về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự:

+ Xử phạt: Bị cáo Bùi Đức M từ 18 tháng đến 20 tháng cải tạo không giam giữ.

+ Hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Bùi Đức M số tiền là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

- Các biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm a,b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a,b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xám, IMEI 1: 353244102821319; IMEI 2: 353244102703888 gắn thẻ sim số 0971320236, seri sim: 8984048000911716152 là công cụ bị cáo dùng phạm tội.

- Tuyên truy thu buộc bị cáo Bùi Đức M phải nộp để sung công quỹ Nhà nước số tiền dùng để cho vay đã thu được là 279.200.000 đồng (Hai trăm bảy mươi chín triệu hai trăm nghìn đồng) và số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 243.115 đồng (Hai trăm bốn mươi ba ngàn một trăm mười lăm đồng). Tổng cộng bị cáo M phải nộp sung công quỹ Nhà nước số tiền là 279.443.115 đồng (Hai trăm bảy mươi chín triệu bốn trăm bốn mươi ba ngàn một trăm mười lăm đồng).

- Buộc người vay Nguyễn Ngọc T phải nộp để sung công quỹ Nhà nước tổng số tiền là 64.000.000 đồng (Sáu mươi bốn triệu đồng). Trường hợp Nguyễn

Ngọc T không có tài sản riêng để nộp thì buộc người đại diện hợp pháp của anh Nguyễn Ngọc T là ông Nguyễn Công B phải nộp thay.

- Buộc bị cáo Bùi Đức M phải trả cho người vay tổng số tiền thu lợi bất chính là 52.066.885 đồng (Năm mươi hai triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn tám trăm tám lăm đồng), cụ thể: Trả cho anh Nguyễn Ngọc T số tiền 47.696.197 đồng (Bốn mươi bảy triệu sáu trăm chín sáu ngàn một trăm chín bảy đồng); trả cho anh Trần Xuân H số tiền 2.670.412đ (Hai triệu sáu trăm bảy mươi ngàn bốn trăm mười hai đồng); trả cho anh Lê Doãn H số tiền 323.562 đồng, (Ba trăm hai mươi ba nghìn năm trăm sáu mươi hai đồng); trả cho anh Lương Minh Kh số tiền 1.376.714 đồng (Một triệu ba trăm bảy sáu ngàn bảy trăm mười bốn đồng);

Bị cáo đồng ý với luận tội của Kiểm sát viên, không tranh luận và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Không bị kH nại, tố cáo về hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, cũng như phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra. HĐXX có đủ cơ sở pháp lý kết luận: Từ tháng 8 năm 2023 đến tháng 02 năm 2024, bị cáo M đã cho 04 người vay với lãi suất từ 413,6% đến 9.954,5%/năm, với tổng số tiền cho vay là 343.200.000 đồng (Ba trăm bốn mươi ba triệu hai trăm nghìn đồng), số tiền gốc đã thu được là 279.200.000 đồng (Hai trăm bảy mươi chín triệu hai trăm nghìn đồng), số tiền gốc người vay còn nợ là 64.000.000 đồng (Sáu mươi bốn triệu đồng). Tổng số tiền lãi đã thu là 52.310.000 đồng (Năm mươi hai triệu ba trăm mười nghìn đồng), trong đó tổng tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định Bộ luật dân sự là 243.115 đồng (Hai trăm bốn mươi ba nghìn một trăm mười lăm đồng), số tiền thu lợi bất chính là 52.066.885 đồng (Năm mươi hai triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn tám trăm tám lăm đồng).

Hành vi của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, an toàn công cộng, gây mất trật tự an ninh trên địa bàn. Do đó, quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea

Kar đối với bị cáo Bùi Đức M, về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự quy định:

*“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.*

[3] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, thật sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

Do đó, xét mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét thấy việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự xảy ra trong đời sống xã hội có chiều hướng gia tăng, là hiểm họa gây mất an ninh trật tự an toàn xã hội, khiến cho nhiều gia đình lâm vào cảnh khó khăn cùng cực. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự phạt tiền bổ sung đối với bị cáo và chấp nhận mức đề nghị của đại diện viện kiểm sát.

[5] Các biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Về vật chứng:

+ Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro màu xám, IMEI 1: 353244102821319; IMEI 2: 353244102703888 gắn thẻ sim số 0971320236, seri sim: 8984048000911716152 là công cụ bị cáo dùng phạm tội. Đặc điểm vật chứng như biên bản giao, nhận vật chứng tài sản giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện EaKar và Chi cục Thi hành án dân sự huyện EaKar ngày 06/6/2024.

+ Tuyên truy thu buộc bị cáo Bùi Đức M phải nộp để sung công quỹ Nhà nước số tiền dùng để cho vay đã thu được là 279.200.000 đồng (Hai trăm bảy mươi chín triệu hai trăm ngàn đồng) và số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 243.115 đồng (Hai trăm bốn mươi ba ngàn một trăm mười lăm đồng). Tổng cộng bị cáo M phải nộp sung công quỹ Nhà

nước số tiền là 279.443.115 (Hai trăm bảy mươi chín triệu bốn trăm bốn mươi ba nghìn một trăm mười lăm đồng).

+ Buộc người vay Nguyễn Ngọc T phải nộp để sung công quỹ Nhà nước tổng số tiền là 64.000.000 đồng (Sáu mươi bốn triệu đồng). Trường hợp Nguyễn Ngọc T (tại thời điểm xét xử mới 17 tuổi 06 tháng 19 ngày) không có tài sản riêng để nộp thì buộc người đại diện hợp pháp của anh Nguyễn Ngọc T là ông Nguyễn Công B phải nộp để sung công quỹ Nhà nước.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Bùi Đức M phải trả cho người vay tổng số tiền thu lợi bất chính là 52.066.885 đồng (Năm mươi hai triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn tám trăm tám lăm đồng), cụ thể: Trả cho anh Nguyễn Ngọc T số tiền 47.696.197 đồng (Bốn mươi bảy triệu sáu trăm chín sáu ngàn một trăm chín bảy đồng); trả cho anh Trần Xuân H số tiền 2.670.412 đồng (Hai triệu sáu trăm bảy mươi ngàn bốn trăm mười hai đồng); trả cho anh Lê Doãn H số tiền 323.562 đồng (Ba trăm hai mươi ba nghìn năm trăm sáu mươi hai đồng); trả cho anh Lương Minh Kh số tiền 1.376.714 đồng (Một triệu ba trăm bảy sáu ngàn bảy trăm mười bốn đồng).

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Bùi Đức M phạm tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Về điều luật áp dụng và mức hình phạt:

- Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 36 Bộ luật Hình sự:

+ Xử phạt: Bị cáo Bùi Đức M: 01 (một) năm 08 (tám) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời giam tạm giữ từ ngày 20/02/2024 đến ngày 27/02/2024 là 07 ngày bằng 21 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo Bùi Đức M còn phải chấp hành 01 (một) năm 07 (bảy) tháng 09 (chín) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện Ea Kar nhận được Quyết định thi hành án hình sự.

Giao bị cáo Bùi Đức M cho Ủy ban nhân dân xã Ea Ô, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án Hình sự.

Trường hợp người bị phạt cải tạo không giam giữ không có việc làm hoặc mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 4 giờ trong một ngày và không quá 5 ngày trong 01 tuần.

- Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự: Phạt bị cáo Bùi Đức M số tiền là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng). Bị cáo M phải nộp một lần tiền để sung công quỹ Nhà nước ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Các biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Về vật chứng:

+ Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro màu xám, IMEI 1: 353244102821319; IMEI 2: 353244102703888 gắn thẻ sim số 0971320236, seri sim: 8984048000911716152 là công cụ bị cáo dùng phạm tội.

Đặc điểm vật chứng như biên bản giao, nhận vật chứng tài sản giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện EaKar và Chi cục Thi hành án dân sự huyện EaKar ngày 06/6/2024.

+ Tuyên truy thu buộc bị cáo Bùi Đức M phải nộp để sung công quỹ Nhà nước số tiền dùng để cho vay đã thu được là 279.200.000 đồng (Hai trăm bảy mươi chín triệu hai trăm ngàn đồng) và số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 243.115 đồng (Hai trăm bốn mươi ba ngàn một trăm mười lăm đồng). Tổng cộng bị cáo M phải nộp sung công quỹ Nhà nước số tiền là 279.443.115 (Hai trăm bảy mươi chín triệu bốn trăm bốn mươi ba ngàn một trăm mười lăm đồng).

+ Buộc người vay Nguyễn Ngọc T phải nộp để sung công quỹ Nhà nước tổng số tiền là 64.000.000 đồng (Sáu mươi bốn triệu đồng). Trường hợp anh Nguyễn Ngọc T (tại thời điểm xét xử mới 17 tuổi 06 tháng 19 ngày) không có tài sản riêng để nộp thì buộc người đại diện hợp pháp của anh Nguyễn Ngọc T là ông Nguyễn Công B phải nộp để sung công quỹ Nhà nước.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Bùi Đức M phải trả cho người vay tổng số tiền thu lợi bất chính là 52.066.885 đồng (Năm mươi hai triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn tám trăm tám mươi lăm đồng), cụ thể: Trả cho anh Nguyễn Ngọc T số tiền 47.696.197 đồng (Bốn mươi bảy triệu sáu trăm chín sáu ngàn một trăm chín bảy đồng); trả cho anh Trần Xuân H số tiền 2.670.412đ (Hai triệu sáu trăm bảy mươi ngàn bốn trăm mười hai đồng); trả cho anh Lê Doãn H số tiền 323.562 đồng (Ba trăm hai mươi ba nghìn năm trăm sáu mươi hai đồng); trả cho anh

Lương Minh Kh số tiền 1.376.714 đồng (Một triệu ba trăm bảy sáu ngàn bảy trăm mười bốn đồng);

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Bùi Đức M phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án HSST trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án HSST trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng QLLL – Sở Tư Pháp Đắk Lắk;
- VKSND huyện EaKar;
- CQĐT Công an huyện EaKar;
- CQTHAHS Công an huyện EaKar;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện EaKar;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**Nguyễn Cường Anh**